

Số: 1622/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh dại trên người”

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh dại trên người”.

Điều 2. “Hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh dại trên người” là tài liệu hướng dẫn được áp dụng trong các cơ sở y tế dự phòng và các cơ sở khám, chữa bệnh nhà nước, bán công và tư nhân trên toàn quốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng; Cục trưởng; Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế; Các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng y tế các Bộ, ngành; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiên (để báo cáo);
- Bộ NN và PTNT (để phối hợp);
- Các Đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp);
- Các thành viên BCĐ CTQG không chế và loại trừ bệnh Dại (để thực hiện);
- Cục KCB, Vụ KHTC, Vụ TT-TĐKT (để thực hiện);
- Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và PTNT (để phối hợp);
- Các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur (để thực hiện);
- Các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế (để thực hiện);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Sở NN và PTNT (để phối hợp);
- Trung tâm YTDP, TTGDSK các tỉnh/thành phố (để thực hiện);
- Bệnh viện các tỉnh/thành phố (để thực hiện);
- Chi cục Thú y các tỉnh/thành phố (để phối hợp);
- Trung tâm Y tế các Bộ/ngành (để thực hiện);
- Lưu: VT, DP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thanh Long

HƯỚNG DẪN

Giám sát và phòng chống bệnh dại trên người

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1622/QĐ-BYT
ngày 08/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA BỆNH DẠI

Bệnh dại là bệnh viêm não tủy cấp tính do vi rút, lây truyền từ động vật sang người chủ yếu qua vết cắn của động vật mắc bệnh. Bệnh thường lưu hành ở các nước thuộc khu vực châu Á và châu Phi. Tại Việt Nam, bệnh dại lưu hành ở nhiều địa phương, chủ yếu là ở các tỉnh miền núi với nguồn truyền bệnh chính là chó. Bệnh thường tăng cao vào mùa nắng nóng từ tháng 5 đến tháng 8 hàng năm. Các biểu hiện lâm sàng của bệnh dại trên người là sợ nước, sợ gió, co giật, liệt và dẫn đến tử vong. Khi đã lên cơn dại, tỷ lệ tử vong gần như 100% (đối với cả người và động vật). Tuy vậy, bệnh dại trên người có thể phòng và điều trị dự phòng bằng vắc xin và huyết thanh kháng dại. Tiêm vắc xin dại cho cả người và động vật (chủ yếu là chó) là biện pháp hiệu quả để phòng, chống bệnh dại.

Bệnh dại thuộc bệnh truyền nhiễm nhóm B trong Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ở Việt Nam.

1.1. Tác nhân gây bệnh

Vi rút dại thuộc họ *Rhabdoviridae*, giống *Lyssavirus*, có vật liệu di truyền là ARN, vỏ ngoài là lipid. Vi rút dại có sức đề kháng yếu, dễ bị bất hoạt bởi nhiệt độ; dễ bị phá hủy bởi các chất hòa tan lipid (xà phòng, ether, chloroform, acetone); rất nhạy cảm với tia cực tím và bị bất hoạt nhanh chóng trong dung dịch cồn, cồn i ốt.

Chẩn đoán bệnh dại trên người chủ yếu dựa vào các triệu chứng lâm sàng đặc trưng của bệnh và tiền sử phơi nhiễm với vi rút dại. Chẩn đoán xác định bệnh dại bằng các kỹ thuật xét nghiệm: phát hiện kháng nguyên (FAT), phân lập vi rút, kỹ thuật sinh học phân tử (RT - PCR), phát hiện kháng thể (ELISA, RFFIT, FAVN). Tuy nhiên, trên thực tế do tính nguy hiểm của bệnh dại, nên khi bị động vật nghi dại cắn, người bệnh phải được giám sát và điều trị dự phòng khẩn cấp mà không chờ chẩn đoán xác định bệnh dại ở động vật bằng xét nghiệm.

1.2. Nguồn bệnh, thời gian ủ bệnh và thời kỳ lây truyền

Ổ chứa vi rút dại trong thiên nhiên là động vật có vú máu nóng như chó sói, chó rừng, chó nhà, mèo, chồn, cầy, cáo và động vật có vú khác. Ở châu Mỹ, châu Âu còn thấy có ổ chứa ở loài dơi. Ở Việt Nam, chó là nguồn truyền bệnh dại chủ yếu.

Thời gian ủ bệnh ở người thông thường là từ 1- 3 tháng sau phơi nhiễm, hiếm khi có trường hợp thời gian ủ bệnh ngắn dưới 9 ngày hoặc dài tới một vài năm. Thời gian ủ bệnh phụ thuộc vào tình trạng nặng nhẹ của vết cắn, vị trí của vết cắn có liên quan đến nơi có nhiều dây thần kinh, khoảng cách từ vết cắn đến não, số

lượng vi rút xâm nhập. Vết cắn càng nặng và gần thần kinh trung ương thì thời gian ủ bệnh càng ngắn.

Thời kỳ lây truyền ở chó nhà là từ 3-7 ngày (tối đa là 10 ngày) trước khi chó có triệu chứng đại và trong suốt thời kỳ phát bệnh. Ở người, vi rút đào thải qua các chất tiết (nước bọt, nước mắt, nước tiểu ...) của người bệnh trong suốt thời gian phát bệnh. Tuy nhiên, khả năng lây truyền từ người sang người là vô cùng hiếm gặp.

Chó nghi đại thường có các biểu hiện lâm sàng chia thành 2 thể là thể điên cuồng và thể đại câm (bại liệt) đôi khi chó có cả 2 thể lâm sàng xen kẽ nhau, thời gian đầu có biểu hiện điên cuồng, bị kích động rồi sau đó chuyển sang dạng bị ức chế và bại liệt.

a) Thể điên cuồng chỉ chiếm khoảng 1/4 các trường hợp: các phản xạ vận động bị kích thích mạnh, cắn sủa người lạ dữ dội, quá vồ vập khi chủ gọi, chỉ cần có tiếng động nhẹ cũng nhảy lên sủa từng hồi dài, dữ tợn, điên cuồng (2-3 ngày sau khi phát bệnh). Con vật bỏ nhà ra đi và thường không trở về; trên đường đi, gặp vật gì lạ nó cũng cắn gặm, ăn bừa bãi, tấn công chó khác, kể cả người. Chó chết do liệt cơ hô hấp và do kiệt sức vì không ăn uống được.

b) Thể đại câm: Con vật có thể bị bại ở một phần cơ thể, nửa thân hoặc 2 chân sau, thường là liệt cơ hàm, nước dãi chảy lòng thòng, con vật không cắn, sủa được, chỉ gầm gừ trong họng.

Đối với chó con triệu chứng đại thường không điển hình nhưng tất cả các con chó bị mắc bệnh đại đều chết trong vòng 10 ngày kể từ khi chó có triệu chứng đại đầu tiên.

Mèo ít bị mắc đại hơn chó. Bệnh đại ở mèo cũng tiến triển như ở chó; mèo hay núp mình vào chỗ vắng hoặc hay kêu, bồn chồn như khi động dục, cắn khi có người chạm vào.

1.3. Đường lây truyền bệnh đại

Bệnh lây truyền chủ yếu qua vết cắn hoặc vết cào, liếm của động vật bị đại lên trên da bị tổn thương. Ngoài ra vi rút đại còn có thể lây truyền từ người sang người qua cấy ghép mô, phủ tạng và vết cắn hoặc tiếp xúc với chất tiết của bệnh nhân bị đại cũng đã được báo cáo.

Ngoài ra, còn có các đường lây truyền khác nhưng hiếm gặp hơn như lây truyền qua niêm mạc do tiếp xúc hoặc hít phải không khí giọt nhỏ chứa vi rút đại trong hang dơi hoặc tai nạn ở phòng thí nghiệm.

1.4. Tính cảm nhiễm

Các loài động vật có vú đều có cảm nhiễm với vi rút đại ở mức độ khác nhau. Tính cảm nhiễm cao nhất ở chó, mèo, cáo, chồn, dơi tiếp đến là trâu, bò, lợn, khỉ, gấu, chuột... Người cũng có cảm nhiễm cao đối với vi rút đại và sẽ có kháng thể chủ động chống lại vi rút đại nếu được tiêm vắc xin đại.

2. GIÁM SÁT BỆNH ĐẠI TRÊN NGƯỜI

2.1. Giám sát người bị phơi nhiễm với vi rút dại

2.1.1. Định nghĩa người bị phơi nhiễm

Là người bị chó, mèo, động vật dại, nghi dại cắn, cào, liếm hoặc bị nước bọt dính vào niêm mạc (như mắt, miệng, niêm mạc bị trầy xước) hoặc tiếp xúc qua da bị tổn thương và niêm mạc với bệnh phẩm/vi rút dại tại phòng thí nghiệm.

2.1.2. Giám sát người bị phơi nhiễm với vi rút dại/động vật nghi dại

- Giám sát các trường hợp người nghi bị phơi nhiễm với vi rút dại đến khám và điều trị dự phòng tại các điểm tiêm phòng dại. Thống kê theo dõi đầy đủ các thông tin theo nội dung phụ lục 1: “Bảng theo dõi tiêm vắc xin phòng dại và huyết thanh kháng dại”.

- Các đơn vị y tế dự phòng thông báo với cơ quan thú y cùng cấp để phối hợp theo dõi, giám sát và phòng chống bệnh dại trên động vật theo quy định hiện hành của ngành thú y.

2.2. Giám sát người mắc bệnh dại

2.2.1. Định nghĩa ca bệnh dại ở người

Ca bệnh chẩn đoán trên lâm sàng có các biểu hiện hội chứng viêm não tủy cấp tính nổi trội bởi các triệu chứng kích động như: sợ nước, sợ gió, sợ ánh sáng (thể dại điên cuồng) hoặc các triệu chứng liệt (thể dại liệt), tiến triển tới hôn mê và thường tử vong sau 7-10 ngày.

2.2.2. Giám sát bệnh nhân bị mắc/chết do bệnh dại

Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, thành phố phối hợp với bệnh viện tổ chức giám sát phát hiện những trường hợp bị mắc/chết do bệnh dại trên địa bàn tỉnh, tiến hành điều tra ca bệnh dại và đáp ứng chống dịch (nếu có) theo quy định.

Các đơn vị y tế dự phòng thường xuyên chia sẻ thông tin với các đơn vị thú y để phối hợp theo dõi, giám sát và xử lý ổ dịch dại theo quy định.

2.2.3. Thu thập, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm ở bệnh nhân

- Loại bệnh phẩm:

+ Máu (5 ml), lấy máu 2 lần, cách nhau 7 ngày.

+ Dịch não tủy (3 - 5 ml)

+ Nước bọt (3-5 ml) trong thời kỳ tăng tiết

+ Mảnh sinh thiết da gáy: mẫu da (3-5mm) ở vị trí chân tóc vùng gáy. Có thể lấy 1 hoặc 2 mẫu sinh thiết da ở 2 vị trí chân tóc khác nhau.

- Bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, thành phố phối hợp với bệnh viện thu thập bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển đi xét nghiệm theo quy định tại thông tư 43/2011/TT-BYT ngày 05/12/2011 quy định về chế độ quản lý mẫu bệnh phẩm bệnh truyền nhiễm

2.3. Chế độ báo cáo

2.3.1. Các thông tin cần báo cáo

- Thông tin giám sát người nghi bị phơi nhiễm với vi rút đại đến khám và điều trị dự phòng tại các điểm tiêm phòng đại theo nội dung phụ lục 1: “Bảng theo dõi người tiêm vắc xin phòng đại và huyết thanh kháng đại”.

- Thông tin giám sát các trường hợp bị phơi nhiễm đến khám và điều trị dự phòng tại các điểm tiêm phòng đại trong tỉnh/thành phố theo mẫu phụ lục 2 “Báo cáo thống kê tiêm vắc xin phòng đại và huyết thanh kháng đại theo tháng”.

- Thông tin giám sát, điều tra các bệnh nhân bị tử vong do bệnh đại theo nội dung mẫu phiếu phụ lục 3 “Phiếu điều tra bệnh nhân nghi đại/tử vong do bệnh đại”.

- Báo cáo trường hợp bệnh hoặc ổ dịch lây truyền từ động vật sang người cho ngành thú y cùng cấp theo mẫu phiếu phụ lục 4 “Mẫu báo cáo trường hợp bệnh hoặc ổ dịch lây truyền từ động vật sang người” .

2.3.2. Chế độ và thời gian báo cáo

- Các điểm tiêm phòng đại hàng tháng báo các thông tin theo nội dung phụ lục 1 cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh/thành phố trước ngày 10 của tháng kế tiếp.

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh/thành phố hàng tháng báo cáo các thông tin theo nội dung phụ lục 2, phụ lục 3 cho Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur khu vực và Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương (Ban Điều hành dự án Không chế và loại trừ bệnh đại - Bộ Y tế) trước ngày 15 của tháng kế tiếp.

- Ban Điều hành dự án Không chế và loại trừ bệnh đại - Bộ Y tế tổng hợp tình hình bệnh đại, đặc điểm dịch tễ và các yếu tố nguy cơ báo cáo về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) trước ngày 20 của tháng kế tiếp.

- Trao đổi thông tin giám sát các ổ dịch đại với ngành thú y cùng cấp theo nội dung phụ lục 4.

3. CÁC BIỆN PHÁP DỰ PHÒNG BỆNH ĐẠI

3.1. Truyền thông phòng chống bệnh đại

Tuyên truyền tới từng hộ gia đình về tính chất nguy hiểm của bệnh đại, các biện pháp phòng, chống bệnh đại trước và sau phơi nhiễm cho người và động vật để người dân chủ động phòng bệnh cho bản thân và cộng đồng.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân nuôi, buôn bán, giết mổ, vận chuyển kinh doanh chó, mèo trong từng thôn, xóm, xã, phường thực hiện các biện pháp quản lý và phòng bệnh trên đàn chó nuôi theo hướng dẫn của cán bộ thú y, ký cam kết thực hiện 5 không: “không nuôi chó mèo không tiêm phòng đại”, “không nuôi chó, mèo chưa khai báo với chính quyền địa phương”, “không nuôi chó thả rông”, “không để chó cắn người”, “không nuôi chó, mèo gây ô nhiễm môi trường”.

- Tuyên truyền cho những người có nguy cơ cao phơi nhiễm với vi rút đại thực hiện tiêm phòng trước phơi nhiễm và những người bị phơi nhiễm với động

vật bị bệnh dại hoặc nghi mắc bệnh dại thực hiện điều trị dự phòng bằng vắc xin, huyết thanh kháng dại theo hướng dẫn của cán bộ y tế.

3.2. Dự phòng trước phơi nhiễm

- Tiêm vắc xin dự phòng bệnh dại cho những người có nguy cơ cao phơi nhiễm với vi rút dại như cán bộ thú y, nhân viên phòng thí nghiệm làm việc với vi rút dại, người làm nghề giết mổ chó, người dân và những người đi du lịch đến các khu vực lưu hành bệnh dại.

- Tiêm nhắc lại theo định kỳ: Áp dụng cho những người do công việc thường xuyên có nguy cơ tiếp xúc với vi rút dại và chỉ tiêm nhắc lại 1 liều khi xét nghiệm chuẩn độ kháng thể dại ở mức dưới 0,5UI/ml.

3.3. Điều trị dự phòng sau phơi nhiễm

Điều trị dự phòng nên được tiến hành càng sớm càng tốt sau khi bị phơi nhiễm, bao gồm: rửa vết thương, tiêm vắc xin phòng dại và sử dụng huyết thanh kháng dại nếu có chỉ định.

3.3.1. Xử lý vết thương

- Xối rửa kỹ tất cả các vết cắn/cào trong 15 phút với nước và xà phòng, hoặc nước sạch, sau đó sát khuẩn bằng cồn 45⁰-70⁰ hoặc cồn i ốt để làm giảm thiểu lượng vi rút dại tại vết cắn. Có thể sử dụng các chất khử trùng thông thường như rượu, cồn, xà phòng các loại, dầu gội, dầu tắm để rửa vết thương ngay sau khi bị cắn.

- Không làm dập nát thêm vết thương hoặc làm tổn thương rộng hơn, tránh khâu kín ngay vết thương. Trường hợp bắt buộc phải khâu thì nên trì hoãn khâu vết thương sau vài giờ đến 3 ngày và nên khâu ngắt quãng/bỏ mũi sau khi đã tiêm phong bế huyết thanh kháng dại vào tất cả các vết thương.

- Tùy trường hợp cụ thể có thể sử dụng kháng sinh và tiêm phòng uốn ván.

3.3.2. Nguyên tắc điều trị dự phòng

Chỉ định dùng vắc xin và huyết thanh kháng dại trong điều trị dự phòng bệnh dại tùy theo tình trạng động vật, hoàn cảnh bị cắn hoặc tiếp xúc với nguồn bệnh, vị trí bị cắn, số lượng, tình trạng vết cắn và tình hình bệnh dại trong vùng.

Chỉ định điều trị dự phòng bệnh dại sau phơi nhiễm đối với những người chưa được tiêm phòng bệnh dại theo bảng tóm tắt dưới đây:

TÓM TẮT CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ DỰ PHÒNG BỆNH ĐẠI

Phân độ vết thương	Tình trạng vết thương	Tình trạng động vật (Kể cả động vật đã được tiêm phòng đại)		Điều trị dự phòng
		Tại thời điểm cẩn người	Trong vòng 10 ngày	
Độ I	Sờ, cho động vật ăn, liếm trên da lành			Không điều trị
Độ II	Vết xước, vết cào, liếm trên da bị tổn thương, niêm mạc	Bình thường	Bình thường	Tiêm vắc xin đại ngay, dừng tiêm sau ngày thứ 10
			Ốm, có xuất hiện triệu chứng đại, mất tích	Tiêm vắc xin đại ngay và đủ liều
		Có triệu chứng đại, hoặc không theo dõi được con vật		Tiêm vắc xin đại ngay và đủ liều
Độ III	Vết cắn/cào chảy máu ở vùng xa thần kinh trung ương	Bình thường	Bình thường	Tiêm vắc xin đại ngay, dừng tiêm sau ngày thứ 10
			Ốm, có xuất hiện triệu chứng đại, mất tích	Tiêm vắc xin đại ngay và đủ liều
		Có triệu chứng đại, hoặc không theo dõi được con vật		Tiêm huyết thanh kháng đại và vắc xin đại ngay
	- Vết cắn/cào sâu, nhiều vết - Vết cắn/cào gần thần kinh trung ương như đầu, mặt, cổ - Vết cắn/cào ở vùng có nhiều dây thần kinh như đầu chi, bộ phận sinh dục	- Bình thường - Có triệu chứng đại - Không theo dõi được con vật		Tiêm huyết thanh kháng đại và vắc xin phòng đại ngay.

** Lưu ý:*

- Các vết thương do động vật hoang dã cần cần xử lý và điều trị như đối với động vật bị bệnh đại. Nếu các con vật này được bắt ngay và làm xét nghiệm có kết quả âm tính với bệnh đại thì có thể dừng điều trị dự phòng.

- Các vết thương do động vật gặm nhấm, gia súc cắn thì xem xét chỉ định tiêm vắc xin đại mà không cần tiêm huyết thanh kháng đại.

- Sử dụng vắc xin phòng đại và huyết thanh kháng đại: đường tiêm, lịch tiêm và liều lượng cần tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất đã được Bộ Y tế Việt Nam cấp phép.

3.3.3. Phác đồ điều trị dự phòng sau phơi nhiễm cho người chưa tiêm phòng đại

3.3.3.1. Tiêm vắc xin phòng đại

- Nguyên tắc: Áp dụng 1 trong 2 phác đồ tiêm vắc xin phòng đại bằng phác đồ tiêm bắp hoặc phác đồ tiêm trong da; mũi đầu tiên tiêm càng sớm càng tốt ngay sau khi bị phơi nhiễm.

- Việc tiêm trong da sẽ giảm lượng vắc xin và giá thành, tuy nhiên tùy thuộc vào số lượng người đến tiêm vắc xin phòng đại tại điểm tiêm trong ngày để lựa chọn phác đồ tiêm bắp hay tiêm trong da nhằm bảo đảm chi phí hiệu quả.

3.3.3.2. Tiêm huyết thanh kháng đại

- Nguyên tắc: Tiêm huyết thanh kháng đại càng sớm càng tốt ngay sau khi bị phơi nhiễm và chỉ dùng 1 lần trong điều trị.

- Tiêm phong bế tại vùng vết thương bị động vật cắn để huyết thanh kháng đại thấm sâu vào bên trong và xung quanh vết thương tới mức tối đa. Phần huyết thanh còn lại tiêm bắp sâu ở vị trí cách xa vị trí tiêm vắc xin đại. Các vết thương ở vị trí giải phẫu đặc biệt (như các đầu ngón tay) phải thấm dầm một cách cẩn thận. Trong trường hợp bị nhiều vết cắn mà số lượng huyết thanh cần tiêm không đủ nhiều để tiêm cho toàn bộ các vết thương (do cân nặng của bệnh nhân ít) thì pha loãng huyết thanh từ 2-3 lần với nước muối sinh lý để đảm bảo tất cả các vết thương đều được tiêm huyết thanh kháng đại.

- Trường hợp không có huyết thanh kháng đại tại điểm tiêm vắc xin có thể sử dụng phác đồ tiêm bắp, nhưng tiêm 2 liều vắc xin phòng đại (ở 2 bên cánh tay) vào ngày 0 (ngày đầu tiên bệnh nhân đến), và giới thiệu bệnh nhân đến điểm tiêm khác để tiêm huyết thanh kháng đại. Ngoài ra đối với vết thương độ II ở những người bị ức chế miễn dịch nên sử dụng huyết thanh kháng đại.

- Thời gian chỉ định tiêm huyết thanh: Tiêm càng sớm càng tốt ngay sau khi bệnh nhân bị động vật nghi đại cắn và chưa có dấu hiệu lên cơn đại. Không sử dụng huyết thanh kháng đại sau 7 ngày kể từ mũi tiêm vắc xin đầu tiên.

3.3.4. Điều trị dự phòng sau phơi nhiễm cho người đã tiêm phòng đại

- Nguyên tắc:

+ Xử lý vết thương theo thường quy.

+ Không cần tiêm huyết thanh kháng đại.

+ Áp dụng 1 trong 2 phác đồ tiêm vắc xin phòng đại là phác đồ tiêm bắp hoặc phác đồ tiêm trong da.

- Tiêm lại đầy đủ phác đồ điều trị dự phòng sau phơi nhiễm đối với các trường hợp sau:

+ Những người đã tiêm phòng đại trước hoặc sau phơi nhiễm bằng vắc xin tế bào nhưng chưa đủ 3 mũi.

+ Những người đã tiêm phòng đại sử dụng vắc xin đại sản xuất trên mô não.

+ Bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS, những người bị ức chế miễn dịch do cơ địa hoặc do các nguyên nhân khác

+ Bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS, những người bị ức chế miễn dịch do cơ địa hoặc do các nguyên nhân khác.

3.4. Tổ chức điểm tiêm vắc xin và huyết thanh kháng dại (điểm tiêm phòng dại)

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh hướng dẫn và tổ chức điểm tiêm phòng dại để tạo thuận lợi cho việc đi lại và tiếp cận của người dân trong khu vực. Tối thiểu mỗi huyện/quận có ít nhất 01 điểm tiêm phòng dại.

- Tiêu chuẩn điểm tiêm phòng dại thực hiện theo Thông tư số 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ Y tế về Hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng và các quy định hiện hành khác.

- Điểm tiêm phòng dại thực hiện nhiệm vụ điều tra, giám sát, điều trị dự phòng cho những người bị động vật nghi dại cắn, tiêm phòng bệnh dại cho người có nguy cơ cao (theo hướng dẫn tại mục 3; điều tra, báo cáo theo mẫu phụ lục 1, 2 cho Trung tâm Y tế cùng cấp).

- Điểm tiêm phòng dại đảm bảo chế độ trực ngoài giờ để xử lý kịp thời các trường hợp phơi nhiễm với vi rút dại.

4. CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA, XỬ LÝ Ổ DỊCH

4.1. Định nghĩa ổ dịch bệnh dại

Ổ dịch bệnh dại là nơi có động vật mắc bệnh dại ở phạm vi thôn, làng, khu phố.

4.2. Điều tra phát hiện sớm ổ dịch dại từ động vật lây sang người

- Trung tâm Y tế dự phòng phối hợp với cơ quan thú y cùng cấp thực hiện điều tra khi xảy ra một trong các tình huống sau:

+ Có nhiều người ở cùng một địa phương bị động vật cắn đến tiêm phòng dại.

+ Có 1 ca nghi bệnh dại trên người được chẩn đoán trên lâm sàng.

+ Có 1 trường hợp tử vong do bệnh dại trên người được chẩn đoán xác định.

- Tiến hành điều tra tại nơi bệnh nhân bị động vật nghi dại cắn trên phạm vi thôn, xã. Xác định nguồn lây truyền bệnh dại và những người bị chó cắn. Phối hợp với cơ quan thú y xác định xem có còn bệnh dại trên chó và các động vật khác hay không. Nếu có thì phối hợp xử lý ngay ổ dịch dại.

4.3. Xử lý ổ dịch

4.3.1. Xử lý đối với người

- Những người bị chó mèo mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh dại cắn, cào, liếm hoặc đã tiếp xúc với chó, mèo mắc bệnh phải được xử lý vết thương ngay theo hướng dẫn tại mục 3.3.1: xử lý vết thương; đến ngay các điểm tiêm phòng dại để được khám và điều trị dự phòng; tuyệt đối không được điều trị bằng thuốc nam.

- Điều trị dự phòng bệnh dại đối với những người tiếp xúc có vết thương hở hoặc niêm mạc bị phơi nhiễm với nước bọt của bệnh nhân.

- Cách ly, điều trị người bệnh tại bệnh viện với sự chăm sóc đặc biệt về y tế.

- Tránh tiếp xúc với các chất tiết của bệnh nhân trong suốt thời gian mắc bệnh.

- Sát trùng tẩy uế đối với nước bọt và các đồ vật bị nhiễm chất tiết của người bệnh bằng các hóa chất diệt khuẩn thông thường.

- Những người chăm sóc, phục vụ trực tiếp người bệnh nên dùng găng tay, mặc áo choàng, đeo khẩu trang.

- Điều tra người tiếp xúc, nguồn lây nhiễm tại gia đình và cộng đồng để điều trị dự phòng bệnh dại cho những người bị phơi nhiễm tại khu vực ổ dịch.

Sau khi người bệnh tử vong thì tiến hành sát trùng tẩy uế lần cuối tại gia đình hoặc bệnh viện và mai táng bệnh nhân tử vong theo quy định đối với bệnh truyền nhiễm gây dịch nhóm B.

4.3.2. Xử lý đối với động vật

Phối hợp với cơ quan thú y, chính quyền địa phương tiến hành:

- Diệt ngay chó và động vật lên cơn dại hoặc nghi mắc bệnh dại trong khu vực ổ dịch. Thực hiện tiêu hủy động vật bị mắc bệnh hoặc chết vì bệnh dại, vệ sinh, khử trùng tiêu độc vùng có dịch.

- Tất cả chó, mèo trong vùng dịch phải được nhốt. Cách ly, theo dõi những con vật nghi mắc bệnh, nhiễm bệnh, nghi nhiễm bệnh dại theo quy định. Những con khỏe mạnh trong ổ dịch và các thôn tiếp giáp phải được tiêm vắc xin phòng bệnh dại.

- Những người trực tiếp thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi có ổ dịch phải thực hiện biện pháp phòng hộ theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- Không vận chuyển, đưa chó, mèo ra, vào vùng có dịch.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cục Y tế dự phòng: Chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động giám sát, thông tin, báo cáo và triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh dại trên người trên phạm vi cả nước. Phối hợp chia sẻ thông tin về bệnh dịch với Cục Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các đơn vị có liên quan khác theo quy định.

5.2. Cục Quản lý khám chữa bệnh: Chỉ đạo các bệnh viện, phòng khám, các cơ sở điều trị nhà nước và tư nhân trên toàn quốc việc thực hiện hoạt động về công tác điều trị, thông báo bệnh dại trên người theo quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quyết định này tại tất cả các bệnh viện, phòng khám tại các cơ sở điều trị nhà nước và tư nhân trên toàn quốc.

5.3. Các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur trực thuộc Bộ Y tế

- Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương - Bộ Y tế là đơn vị thường trực của Ban Điều hành dự án Khống chế và loại trừ bệnh dại là đầu mối tổng hợp số liệu, hoạt

động phòng chống bệnh dại trên phạm vi toàn quốc báo cáo Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng).

- Các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur tại các khu vực thực hiện:

+ Thực hiện việc thông tin, báo cáo số liệu giám sát ca bệnh và hoạt động phòng, chống bệnh dại trên người của các đơn vị theo khu vực phụ trách về Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng). Thực hiện việc tiếp nhận các mẫu bệnh phẩm và xét nghiệm chẩn đoán xác định bệnh dại trên người.

+ Hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật, theo dõi, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác phòng chống bệnh dại trên người tại các đơn vị thuộc khu vực phụ trách.

+ Phối hợp và chia sẻ thông tin giám sát bệnh dại trên người với các cơ quan thú y vùng theo quy định.

5.4. Sở Y tế: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình phòng chống bệnh dại trên người của tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn quản lý, triển khai các hoạt động phòng chống bệnh dại trên người theo đúng quy định. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác phòng chống bệnh dại trên địa bàn tỉnh.

5.5. Bệnh viện tuyến trung ương, tỉnh, huyện và các cơ sở khám, chữa bệnh: Thực hiện điều tra ca bệnh theo phiếu điều tra, lập danh sách ca bệnh, lấy mẫu bệnh phẩm của các trường hợp bệnh nhân nghi dại đến khám, điều trị và báo cáo theo quy định. Cập nhật, tập huấn cách xử trí, phác đồ cấp cứu, điều trị bệnh nhân dại, nghi dại. Chuẩn bị đủ thuốc, hóa chất, trang thiết bị và các phương tiện cần thiết để sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu và điều trị bệnh nhân dại, nghi dại.

5.6. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh: Là đầu mối điều phối việc thực hiện, theo dõi, kiểm tra công tác giám sát, phòng chống bệnh dại trên người tại các tỉnh, thành phố. Tổ chức thu thập, tiếp nhận các mẫu bệnh phẩm, phiếu điều tra tại bệnh viện, cơ sở y tế các tuyến. Bảo quản, vận chuyển mẫu bệnh phẩm, phiếu điều tra, báo cáo về các Viện Vệ sinh dịch tễ/ Pasteur theo quy định. Đầu mối trao đổi thông tin, phối hợp với Chi cục Thú y tỉnh trong công tác giám sát và xử lý ổ dịch dại trên người và động vật. Thiết lập các điểm tiêm phòng dại tại các huyện trong địa bàn tỉnh.

5.7. Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe tỉnh: Là đơn vị đầu mối phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng, Chi cục Thú y xây dựng các tài liệu truyền thông phòng chống bệnh dại và phối hợp với các chính quyền địa phương, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội triển khai tuyên truyền tới các hộ gia đình, người dân, đặc biệt là các đối tượng có nguy cơ cao thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh dại trên địa bàn tỉnh.

5.8. Trung tâm Y tế huyện: Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh xây dựng các điểm tiêm phòng dại trên địa bàn huyện đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện các hoạt động tiêm phòng bệnh dại và điều trị dự phòng bệnh dại trên người theo quy định, thực hiện thường trực phòng chống bệnh dại. Thực hiện điều tra ca bệnh theo phiếu điều tra, lập danh sách các trường hợp bệnh nhân dại, nghi

dại, thực hiện việc thống kê báo cáo và triển khai hoạt động phòng chống bệnh dại theo quy định. Thông báo với Trạm Thú y huyện để phối hợp theo dõi, giám sát và xử lý ổ dịch dại trên người và động vật.

5.9. Trạm Y tế xã: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức các hoạt động phòng chống dại trên địa bàn xã. Hướng dẫn và thực hiện xử lý vết thương cho người bị động vật mắc bệnh dại hoặc nghi dại cắn, cào. Sau đó tư vấn cho người dân đến điểm tiêm phòng dại để thực hiện việc điều trị dự phòng theo quy định. Thông báo cho Trung tâm Y tế huyện để tiến hành điều tra ca bệnh và cán bộ thú y xã để tổ chức theo dõi, giám sát động vật mắc bệnh dại hoặc nghi dại và xử lý ổ dịch dại (nếu có).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Long

Phụ lục 1

BẢNG THEO DÕI NGƯỜI TIÊM VẮC XIN PHÒNG DẠI VÀ HUYẾT THANH KHÁNG DẠI

[illegible]

SỞ Y TẾ

BÁO CÁO THỐNG KÊ TIÊM VẮC XIN PHÒNG DẠI VÀ HUYẾT THANH KHÁNG DẠI

TRUNG TÂM YTDP

Tháng năm 20. . .

TT	Điểm tiêm (quận/ huyện)	Giới		Tuổi				Thời gian từ lúc bị cắn- tiêm		Loại động vật				Số người có vị trí vết thương				Số người có mức độ vết thương			Tình trạng động vật			Số người		Số người dùng HTKD	Số người có phản ứng tại chỗ tiêm				Số người có phản ứng toàn thân sau tiêm				BN tử vong					
		Nam	Nữ	<15 tuổi	15-24 tuổi	25 - 49 tuổi	≥50 tuổi	<10 ngày	≥10 ngày	Chó	Mèo	Dơi	Khác	Đầu mặt cổ	Thân	Tay	Chân	Độ I	Độ II	Độ III	Bình thường	Óm	Chạy rông + mất tích	Lên cơn dại	Tiêm bắp		Tiêm trong da	Đau	Quầng đỏ	Tụ máu	Phù nề / nốt cứng	Sốt	Khó chịu	Ngứa mẩn đỏ	Đau cơ ,khớp	Rối loạn tiêu hoá	Khác	Có tiêm	Không tiêm	
1																																								
2																																								
3																																								
4																																								
5																																								
6																																								
7																																								
8																																								
9																																								
10																																								
....																																								
Tổng																																								
Cộng dồn																																								

Người làm báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày thángnăm 20....
Lãnh đạo Đơn vị
(Ký t^h, @ăng d^heu)

PHIẾU ĐIỀU TRA BỆNH NHÂN NGHI ĐẠI/TỬ VONG DO BỆNH ĐẠI

(Được chẩn đoán lâm sàng)

Cán bộ điều tra khoanh tròn vào các chữ số và điền thông tin đầy đủ vào chỗ trống

1. Họ và tên:
2. Năm sinh: Giới: 1. Nam 2. Nữ Dân tộc:
3. Nơi ở hiện tại: số nhà.....thôn/phố.....xã/phường.....
huyện/quận.....tỉnh/thành phố.....
4. Trình độ học vấn: 1. Mù chữ 2. Tiểu học 3. Trung học cơ sở
4. Phổ thông trung học 5. Cao đẳng/đại học
5. Nghề nghiệp:
6. Loại động vật cắn/tiếp xúc người: 1. Chó 2. Mèo 3. Tiếp xúc với động vật/bệnh nhân
4. Dơi 5. Khác (*ghi rõ*).....
7. Nơi bị động vật cắn/tiếp xúc: Thôn/phố.....xã/phường.....
huyện/quận.....tỉnh/thành phố.....
8. Tình trạng con vật lúc cắn/tiếp xúc người:
1. Bình thường 2. Chạy rông/mất tích 3. Ốm 4. Lên cơn dại 5. Không biết
6. Các biểu hiện khác:
9. Con vật đó cắn mấy người:
10. Động vật cắn đã được tiêm phòng dại chưa? 1. Có 2. Không 3. Không biết
- Nếu có được tiêm (*Ghi 2 đợt gần nhất*)
Ngày..... tháng..... năm..... Loại vắc xin
- Ngày..... tháng..... năm..... Loại vắc xin
11. Ở nơi bị cắn/tiếp xúc có chó mèo lên cơn dại không? 1. Có 2. Không 3. Không biết
Nếu có: Loại động vật..... Số con có triệu chứng dại
12. Ngày, tháng, năm bị động vật cắn/ tiếp xúc:...../...../.....
13. Vị trí vết cắn: 1. Đầu, mặt, cổ 2. Thân 3. Tay 4. Chân
14. Số lượng vết cắn: 1. Một vết 2. Hai vết 3. ≥ ba vết
15. Tình trạng vết cắn: 1. Xây xước da 2. Nông/chảy máu ít 3. Sâu/chảy nhiều máu
4. Khác (*ghi rõ*).....
16. Bệnh nhân có xử trí vết thương không: 1. Có 2. Không 3. Không biết
- Nếu có thì xử trí như thế nào: 1. Rửa nước xà phòng 2. Rửa nước muối 3. Rửa nước lã
4. Bôi chất sát khuẩn 5. Cắt lọc vết cắn 6. Khâu vết cắn
7. Khác.....
17. Bệnh nhân có tiêm huyết thanh kháng dại (HTKD) không: 1. Có 2. Không 3. Không biết
Nếu có: ngày tiêm...../...../..... số ml..... Nơi tiêm.....

18. Bệnh nhân có tiêm vắc xin dại không? 1. Có 2. Không 3. Không biết
- Nếu có: ngày tiêm...../...../.....Loại vắc xin:
 - Ký hiệu lô vắc xin:.....Nơi tiêm:.....
 - Phác đồ tiêm: (ghi rõ ngày/tháng/năm)
- Tiêm bắp: N0.....N3.....N7.....N14..... N28.....
- Tiêm trong da: N0.....N3..... N7..... N28.....
- Bệnh nhân có tiền sử dùng thuốc Corticoid hoặc ACTH trước khi tiêm vắc xin không?
1. Có 2. Không
19. Ngày có triệu chứng dại đầu tiên:...../...../.....Ngày tử vong:...../...../.....
20. Nơi chẩn đoán và điều trị bệnh nhân lên cơn dại: 1. Tại nhà 2. Trạm Y tế xã 3. BV huyện
4. Bệnh viện tỉnh 5. BV trung ương 6. Nơi khác (ghi rõ).....
21. Bệnh nhân có được lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm bệnh dại không?
1. Có 2. Không
- Nếu có: Loại bệnh phẩm xét nghiệm là gì?
1. Dịch não tủy 2. Nước bọt 3. Huyết thanh 4. Mảnh sinh thiết da gáy
5. Khác.....
- Kết quả xét nghiệm? 1. Dương tính 2. Âm tính 3. Không biết
22. Tóm tắt triệu chứng lâm sàng bệnh nhân:
- | | | | | |
|---------------------|---------------|------------------------------------|---------------|-------------|
| 1. Mệt mỏi | 2. Chán ăn | 3. Nhức đầu | 4. Sốt | 5. Đau cơ |
| 5. Ngứa tại vết cắn | 6. Lo lắng | 7. Mất ngủ | 8. Sợ nước | 9. Sợ gió |
| 10. Sợ ánh sáng | 11. Đờm dãi | 12. Co giật | 13. Trốn chạy | 14. Gào hét |
| 15. Liệt | 16. Xuất tinh | 17. Triệu chứng khác (Ghi rõ)..... | | |
23. Lý do không tiêm huyết thanh kháng dại và vắc xin phòng dại:
- | | |
|---------------------------------------|---|
| 1. Không có tiền đề tiêm vắc xin | 2. Trẻ nhỏ không nói cho gia đình biết |
| 3. Dùng thuốc nam/đông y | 4. Không biết địa điểm tiêm vắc xin |
| 5. Không có vắc xin/HTKD để tiêm | 6. Chủ quan (biết bị chó mèo cắn phải tiêm VX phòng dại, có tiền, biết điểm tiêm nhưng không đi tiêm) |
| 7. Đến muộn sau 3 ngày nên không tiêm | 8. Không hiểu biết về bệnh dại |
| 9. Khoảng cách đến điểm tiêm xa | 10. Lý do khác (ghi rõ)..... |
24. Nhận xét của cán bộ trực tiếp điều tra:
-
-

Xác nhận đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20....
Người điều tra ký, ghi rõ họ tên

MẪU BÁO CÁO TRƯỜNG HỢP BỆNH HOẶC Ổ DỊCH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT SANG NGƯỜI
(ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ KHI TRAO ĐỔI THÔNG TIN BỆNH DỊCH VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÚ Y)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 25/5/2013)

Cơ quan chủ quản:.....

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... thángnăm

BÁO CÁO

TRƯỜNG HỢP BỆNH HOẶC Ổ DỊCH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT SANG NGƯỜI

Kính gửi:

I. Thông tin bệnh nhân đầu tiên:

1. Họ tên bệnh nhân:..... Tuổi:..... Giới:.....
2. Họ tên người liên hệ (đối với trẻ em):.....
3. Nghề nghiệp:.....
4. Nơi ở hiện tại:.....
5. Quận/Huyện:..... Tỉnh:Số điện thoại:
6. Ngày khởi phát triệu chứng đầu tiên:..... /..... /.....
7. Ngày vào viện:...../...../.....Ngày tử vong (nếu có):/...../.....
8. Nơi khám bệnh đầu tiên:.....
9. Nơi bệnh nhân đang điều trị:.....
10. Chẩn đoán ban đầu:.....
11. Chẩn đoán xác định:.....
12. Tiền sử:
13. Yếu tố dịch tễ:
14. Ngày lấy mẫu bệnh phẩm: Loại bệnh phẩm.....
15. Ngày gửi xét nghiệm:/...../.....
16. Ngày trả và kết quả xét nghiệm:/...../.....
17. Nơi xét nghiệm:..... Phương pháp xét nghiệm:.....

II. Tổng hợp tình hình bệnh hoặc ổ dịch đến thời điểm báo cáo

1. Tổng số trường hợp mắc:.....
2. Tổng số trường hợp tử vong:.....
3. Số địa phương ghi nhận trường hợp bệnh: Số tỉnh:..... Số huyện:.....Số xã:.....
4. Số mẫu xét nghiệm:.....
5. Số mẫu dương tính:.....
6. Các yếu tố nguy cơ:.....

III. Nhận định tình hình

.....

IV. Các biện pháp phòng, chống dịch đã triển khai

.....

Nơi nhận:

-

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu)